

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST.

Ngày: 21/01/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Mỹ
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2024/TLST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Số A, T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Lê Văn T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- **Ông Phan Thế V**, sinh năm: 1997

- **Ông Vũ Văn T1**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số E Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Công ty TNHH D

Địa chỉ: Số A, ấp C, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T2 - Giám đốc

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Ông Bùi Văn T2**, sinh năm: 1986

- **Bà Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: số A, ấp C, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông V có mặt. Ông T1, ông T2, bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH D có vay của Ngân hàng TMCP Đ theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 2128100095/HDTDTMH ngày 13/10/2021: hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh của bên được cấp tín dụng.

Ngày 15/4/2022, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH D số tiền 3.700.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 2128100095/02. Thời hạn vay tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân là 15/4/2022 đến 17/10/2022. Lãi suất cho vay trong hạn: 10.5%/năm. Lãi suất cho vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả lãi: 10%/năm. Kỳ trả nợ: trả lãi vào ngày 19 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 19/5/2022, gốc trả cuối kỳ.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH D1 Hoàng Ngọc T3 còn ký với ngân hàng Đ1 đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Visa Corporate số 1560637 ngày 27/12/2021. Hạn mức thẻ tín dụng được cấp là 100.000.000 đồng. Lãi suất: 27%/năm. Phương thức thanh toán: trả theo kỳ sao kê vào ngày 25 hàng tháng

Để đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng trên, hai bên có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2128100095/HDTC/CY319964-CY319965 ngày 13/10/2021. Tài sản thế chấp là :

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 782, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 500m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 77m², đất trồng cây lâu năm 423,0m²; thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 31/12/2045 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 319964, số vào sổ cấp GCN CS05419 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/12/2020 cho ông Bùi Văn T2.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 783, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 2.260,5m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 77,2m², đất trồng cây lâu năm 2.183,3m²; thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 31/12/2045 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 319965, số vào sổ cấp GCN CS05420 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/12/2020 cho ông Bùi Văn T2.

Trong quá trình vay vốn, Công ty TNHH D thanh toán được số tiền 143.620.491 đồng tiền lãi, chưa thanh toán nợ gốc. Đến hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng Công ty TNHH D vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng. Tính đến ngày 21/01/2025, Công ty TNHH D còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền cụ thể là: 5.355.199.664 đồng, gồm:

+ Dư nợ theo Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 2128100095/HDTDTMH ngày 13/10/2021 là 5.228.955.713 đồng gồm: tiền nợ gốc: 3.700.000.000 đồng, lãi trong hạn: 67.319.597 đồng, lãi quá hạn: 1.446.117.119 đồng, lãi chậm trả lãi: 15.518.997 đồng.

+ Dư nợ thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Visa Corporate số 1560637 ngày 27/12/2021 là 126.243.951 đồng gồm: nợ gốc: 80.547.686 đồng, lãi quá hạn: 45.696.265 đồng.

Do Công ty TNHH D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH D trả số tiền trên. Trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH D tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D, ông Bùi Văn T2, bà Nguyễn Thị N tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng đại diện theo pháp luật Công ty TNHH D, ông Bùi Văn T2, bà Nguyễn Thị N không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của Công ty TNHH D, ông Bùi Văn T2, bà Nguyễn Thị N cũng như không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH D trả số tiền 5.355.199.664 đồng theo Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 2128100095/HDTDTHM ngày 13/10/2021, Giấy nhận nợ số 2128100095/02 ngày 15/4/2022, và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Visa Corporate số 1560637 ngày 27/12/2021. Xét quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, bị đơn Công ty TNHH D có trụ sở tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T2, bà Nguyễn Thị N đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T2, bà Nguyễn Thị N.

[2] Về nội dung: Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 2128100095/HDTDTHM ngày 13/10/2021, Giấy nhận nợ số 2128100095/02 ngày 15/4/2022, và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Visa Corporate số 1560637 ngày 27/12/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH D được ký kết bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.1] Đối với yêu cầu trả số tiền gốc và lãi 5.228.955.713 đồng theo Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 2128100095/HDTDTHM ngày 13/10/2021, Giấy nhận nợ số 2128100095/02 ngày 15/4/2022: xét thấy, Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện việc giải ngân số tiền 3.700.000.000 đồng cho Công ty TNHH D theo thỏa thuận trong Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 2128100095/HDTDTHM ngày 13/10/2021 vào ngày 15/4/2022. Công ty TNHH D đã không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về việc trả lãi và vốn cho Ngân hàng TMCP Đ dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 4, mục B Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 2128100095/HDTDTHM ngày 13/10/2021. Tính đến ngày 21/01/2025, Công ty TNHH D còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền cụ thể là: 5.228.955.713 đồng gồm: tiền nợ gốc: 3.700.000.000 đồng, lãi trong hạn: 67.319.597 đồng, lãi quá hạn: 1.446.117.119 đồng, lãi chậm trả lãi: 15.518.997 đồng. Do Công ty TNHH D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH D chịu trách nhiệm trả số tiền trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả số tiền gốc và lãi 126.243.951 đồng theo Đơn đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Visa Corporate số 1560637 ngày 27/12/2021: Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện việc cấp thẻ tín dụng cho Công ty TNHH D theo đề nghị. Sau khi nhận thẻ, Công ty TNHH D đã thực hiện các giao dịch với số tiền 80.547.686 đồng nhưng không thực hiện thanh toán cho ngân hàng. Do Công ty TNHH D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH D trả số tiền tính đến ngày 21/01/2025 là 126.243.951 đồng gồm: nợ gốc: 80.547.686 đồng, lãi quá hạn: 45.696.951 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ: xét thấy Công ty TNHH D vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2128100095/HDTC/CY319964-CY319965 ngày 13/10/2021. Tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 782, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 500m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 77m², đất trồng cây lâu năm 423,0m²; thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 31/12/2045 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 319964, số vào sổ cấp GCN CS05419 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/12/2020 cho ông Bùi Văn T2.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 783, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 2.260,5m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 77,2m², Đất trồng cây lâu năm 2.183,3m²; thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 31/12/2045 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 319965, số vào sổ cấp GCN CS05420 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/12/2020 cho ông Bùi Văn T2.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được giao kết trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của

pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Việc Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng nên được chấp nhận.

Trường hợp số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, tài sản khác không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội = 112.000.000đồng + (5.355.199.664 đồng - 4.000.000.000đồng) x 0.1% = 113.355.200 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227, Điều 228, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, cụ thể tuyên:

Buộc Công ty TNHH D chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 21/01/2025 là: 5.355.199.664 (Năm tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu một trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi bốn) đồng, gồm:

+ Dư nợ theo Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 2128100095/HDTDTM ngày 13/10/2021, Giấy nhận nợ số 2128100095/02 ngày 15/4/2022 là 5.228.955.713 (Năm tỷ hai trăm hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm mười ba) đồng gồm: tiền nợ gốc: 3.700.000.000 (Ba tỷ bảy trăm triệu) đồng, lãi trong hạn: 67.319.597 (Sáu mươi bảy triệu ba trăm mười chín nghìn năm trăm chín mươi bảy) đồng, lãi quá hạn: 1.446.117.119 (Một tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu một trăm mười bảy nghìn một trăm mười chín) đồng, lãi chậm trả lãi: 15.518.997 (Mười lăm triệu năm trăm mười tám nghìn chín trăm chín mươi bảy) đồng

+ Dư nợ theo Đơn đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Visa Corporate số 1560637 ngày 27/12/2021 là 126.243.951 (Một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm năm mươi một) đồng gồm: nợ gốc: 80.547.686 (Tám mươi triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi sáu) đồng, lãi quá hạn: 45.696.265 (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 22/01/2025, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng

cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2128100095/HDTG/CY319964-CY319965 ngày 13/10/2021 (Hợp đồng được công chứng ngày 13/10/2021 tại Văn phòng C và đăng ký thế chấp ngày 13/10/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B) . Tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 782, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 500m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 77m², đất trồng cây lâu năm 423,0m²; thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 31/12/2045 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 319964, số vào sổ cấp GCN CS05419 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/12/2020 cho ông Bùi Văn T2.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 783, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 2.260,5m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 77,2m², đất trồng cây lâu năm 2.183,3m²; thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 31/12/2045 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 319965, số vào sổ cấp GCN CS05420 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/12/2020 cho ông Bùi Văn T2.

Trường hợp số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, tài sản khác không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Công ty TNHH D phải chịu là 113.355.200 (Một trăm mười ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 56.534.000 (Năm mươi sáu triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai số 0005261 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Thị Thùy Dung